

きんきゆう
緊急のとき

けいさつ かじ きゆうじつ やかん きゆうびょう
(警察、火事、休日・夜間の急病、

こしょう
故障)

はんざい こうつうじ こ けいさつしょ
1. 犯罪・交通事故(警察署) **110 番**

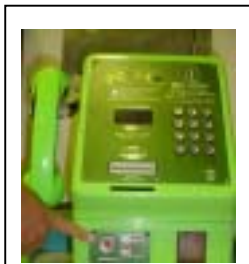
どろぼうや暴力の被害、交通事故にあったときは、警察署へ電話してください。

かじ きゆうきゆう しょうぼうしょ
2. 火事、救急(消防署) **119 番**

火事が起きたとき、急病やけが人がでたときは、消防署へ電話してください。

でんわ
【電話のかけかた】

ちよくせつ けた ばんごう だいやる むりよう
直接、3ケタの番号をダイヤルします。無料で
けいさつしょ しょうぼうしょ こうしゅう
警察署または消防署へつながります。公衆
でんわ えんだま てれふおんかーど
電話からは、10円玉もテレホンカードもいり
ません。



みどりいろ でんわ
【緑色の電話】

この赤いボタンを押して
ダイヤルすると
むりよう けいさつ しょうぼうしょ
無料で警察・消防署へ
れんらく
連絡できます。



【グレーの電話】

ちよくせつ じゅわき
直接、受話器をとり、
ダイヤルしてください。

Trong trường hợp khẩn cấp
(Cảnh sát,hoả hoạn,bệnh đột ngột
vào ngày nghỉ lễ hoặc lúc khuya,tai
nan)

1. Khi gặp nạn,nạn giao thông
(Sở Cảnh sát-Keisatsu sho) **Số 110**

Khi bị trộm,bị hành hung,bị tai nạn giao thông thì hãy gọi điện thoại đến Keisatsu sho.

2. Hoả hoạn,cấp cứu **Số 119**

(Sở cứu hoả,cứu nạn – Shoubou sho)
Khi bị hoả hoạn,bệnh đột ngột,bị thương thì hãy gọi điện thoại đến Shoubou sho.

【Cách gọi điện thoại】

Trực tiếp nhấn (quay) 3 số.
Có thể liên lạc được với Keisatsu sho và Shoubou sho miễn phí.Khi gọi tư điện thoại công cộng cũng không cần đồng 10 yên và cũng không cần thẻ điện thoại.

【Màn hình của điện thoại công cộng】

Nếu nhấn nút đỏ này thì sẽ liên lạc với Keisatsu sho,shoubou sho miễn phí.

Điện thoại này thì nhấn số và gọi

【れんらくのしかた】

警察署けいさつしょまたは消防署しょうぼうしょ がでたら、あせらず、おちついて

①何がなにあったのか ②いつ③どこで
話をはなしてください。

【Cách liên lạc】

Khi Keisatsu sho, Shoubou sho nhắc điện thoại, xin đừng hấp tấp, hãy bình tĩnh và nói rõ :

1. Việc gì đã xảy ra
2. Khi nào
3. Xảy ra ở đâu

もしも、たすけてください。

(Moshi-moshi, Tasukete kudasai.)

かじです。(Kaji desu.)

こうつうじこです。

(Kotsu-jiko desu.)

きゅうびょうです。(Kyubyo desu.)

ばしょは、〇〇〇です。

(Basho ha 〇〇〇 desu.)

めじるしは、〇〇〇です。

(Mejirushi ha 〇〇〇 desu.)

わたしは、〇〇〇〇です。

(Watashi ha 〇〇〇〇 desu.)

わたしのでんわは、〇〇〇です。

(Watashino denwa wa 〇〇〇 desu.)

Moshi-moshi, Tasukete kudasai.

(Alo-alo, xin hãy cứu giúp)

Kaji desu. (Có hoả hoạn)

Kotsu-jiko desu. (Có tai nạn giao thông)

Kyubyo desu. (Bị bệnh đột ngột)

Basho ha 〇〇〇 desu.

(Địa điểm là 〇〇〇)

Mejirushi ha 〇〇〇 desu.

(Dấu hiệu (đặc điểm dễ nhận biết) là 〇〇〇)

Watashi ha 〇〇〇 desu.

(Tôi là 〇〇〇)

Watashino denwa wa 〇〇〇 desu.

(Số điện thoại của tôi là 〇〇〇)

あわてないように、自分の名前じぶん なまえと住所じゅうしょ、近くちかの目印めじるしとなる建物たてものの名前なまえをひらがなやローマ字で書いて電話でんわの近くちかにはっておくと便利べんりです。

Để tránh trường hợp hấp tấp, xin hãy viết bằng Hiragana hoặc Romaji : Tên của mình, địa chỉ, tên của toà nhà dễ nhận biết và gần nhất, và dán gần nơi đặt điện thoại

【携帯電話から警察署へ110番する時】

- (1) 今、いるところの場所(住所)と携帯電話番号を伝えてください。住所がわからないときは、近くの目印となる建物を伝えてください。
- (2) 場所や状況確認のため、警察からすぐに電話をかけなおすことがあります。電話した後も電源を切らず、その場にしばらくいてください。
- (3) 自動車運転中の場合は、安全な場所に停車してから警察へ連絡してください。

【携帯電話から消防署へ119番する時】

- (1) NTTドコモ、J-PHONE、アステルからの電話は、静岡市消防本部司令部へつながります。
- (2) ツーカー、auからの電話は、清水支部司令部へつながります。そのまま、係員の指示に従ってください。

【交番について】

各地域には交番があり警察官がいます。交番では、地域のパトロール、迷子の世話、落とし物の処理などを行っています。また、道を聞きたいときは、交番で教えてくれます。

【Khi gọi đến Keisatsu sho 110 bằng điện thoại cầm tay thì】

- (1) Hãy nói nơi(địa chỉ) đang đứng gọi, số điện thoại. Nếu không biết địa chỉ thì hãy cho biết toà nhà (bảng hiệu) gần và dễ nhận biết nhất.
- (2) Để xác nhận địa điểm và tình hình, Cảnh sát sẽ gọi điện thoại ngược lại ngay lập tức. Cho nên sau khi điện thoại xin đừng ngắt điện, và hãy đứng đợi tại nơi đó.
- (3) Nếu đang lái xe thì hãy dừng xe lại an toàn và sau đó hãy gọi điện thoại.

【Nếu gọi đến Shoubou sho 119 bằng điện thoại cầm tay thì】

- (1) Nếu là điện thoại NTT Docomo, J-PHONE, ASUTERU thì sẽ được nối với Shizuoka shi Shoubou sho honbu shirei bu.
- (2) Nếu là điện thoại TUKA, Au thì sẽ được nối với Shimizu shibu shirei shistu. Và cứ thế mà nghe và làm theo sự hướng dẫn của người phụ trách.

【Đồn Cảnh sát】

Ở tất cả các khu vực đều có đồn cảnh sát và cảnh sát. Cảnh sát ở các đồn của khu vực thì có trách nhiệm đi tuần tra khu vực, giúp đỡ các em bé bị lạc, xử lý đồ bị đánh rơi. Và khi muốn hỏi đường thì hỏi ở đồn cảnh sát thì sẽ được hướng dẫn..

3. 休日・夜間の急病

★ 静岡済生会総合病院救急救命センター
(静岡市小鹿1-1-1 Ph:054-285-6171)

★ 静岡赤十字病院救急救命センター
(静岡市追手町8-2 Ph:054-254-4311)

★ 静岡市急病センター (内科、小児科)
毎日 19:00-23:00
(静岡市東草深町3-27 Ph:054-245-1111)

★ 静岡市歯科医師会救急歯科センター
(歯科)
日曜、祝日 9:00-17:00
(静岡市曲金3-3-15 Ph: 054-288-1199)

★ 清水歯科医師会救急センター
毎日 0543-48-4118
(電話による当番医師の案内)
※ 清水地区の病院は、救急当番制です。
事前に電話確認してください。

★ 清水厚生病院
(清水庵原町578-1 Ph: 0543-66-3333)

★ 静岡市立清水病院
(清水宮加三 1231 Ph: 0543-34-9999、
36-1111)

★ 清水桜ヶ丘総合病院
(清水桜ヶ丘13-23 Ph: 0543-53-5311)

3. Khi bị bệnh vào ngày nghỉ, lúc khuya.

Shizuoka Saiseikai sougou byouin kyukyukyumei center
(Oshika 1-1-1 Tel: 054-285-6171)

Shizuoka Sekijuiji byouin kyuukyuu kyuumei center
(Outemachi 8-2 Tel:054-254-4311)

Shizuoka Kyubyo Center
.Mỗi ngày : 19:00 – 23:00
(Higashi Kusabuka cho 3-27
Tel: 054-245-1111)

Shizuoka shi Shika Ishikai kyuukyuu shika center
Mỗi ngày : 9:00 – 17:00
(Magarikane 3-3-15 Tel: 054-288-1199)

Shimizu Shika Ishikai kyuukyuu Center
Mỗi ngày . Tel : 0543-48-4118
(Điện thoại sẽ hướng dẫn B.S)
※ Bệnh viện của Shimizu Chiku là chế độ trực của cấp cứu, cho nên hãy gọi đt xác nhận trước khi đến.

Shimizu Kousei Byouin
(Shimizu Iharacho 578-1
Tel: 0543-66-3333)

Shizuoka Shi Ritsu Shimizu Byouin
(Shimizu Miyakami 1231
Tel:0543-34-9999, 36-1111)

Shimizu Sakura Gaoka Sougou Byouin
(Shimizu Sakuragaoka 13-23
Tel: 0543-53-5311)

